

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI UBND XÃ HOÀNH SƠN
Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
(Kèm theo Báo cáo số 140/BC-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Hoà Bình Sơn)

ST T	Niên độ	Hồ sơ tiếp nhận						Hồ sơ đã giải quyết							Hồ sơ chưa giải quyết			Hồ sơ đang tạm dừng	Hồ sơ trả lại do không đủ điều kiện giải quyết	Hồ sơ đã hủy	Ghi chú
		Tổng số hồ sơ	Tiếp nhận online	Tiếp nhận trực tiếp	Tiếp nhận qua dịch	Tồn kỳ trước	Tiếp nhận trong kỳ	Tổng số hồ sơ	Trước hạn	Tỷ lệ giải quyết trước	Đúng hạn	Tỷ lệ giải quyết đúng	Quá hạn	Tỷ lệ giải quyết quá hạn	Tổng số hồ sơ	Trong hạn	Quá hạn				
1	2	3=7+8	4	5	6	7	8	9=10+ 12+14	10	11=10/9	12	13=12/ 9	14	15=14/ 9	16	17	18	19	20	21	
1	Từ 01/01/2023 đến 31/01/2023	59	6	52	0	1	58	55	55	1	0	0	0	0	3	3	0	1	0	0	
2	Từ 01/02/2023 đến 28/02/2023	55	28	23	0	4	51	46	45	0.978	0	0	1	0.022	6	6	0	1	2	0	
3	Từ 01/3/2023 đến 31/3/2023	62	45	10	0	7	55	60	60	1	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	
4	Từ 01/4/2023 đến 30/4/2023	94	89	3	0	2	92	89	88	0.989	1	0.011	0	0	4	4	0	1	0	0	
5	Từ 01/5/2023 đến 31/5/2023	88	80	3	0	5	83	84	84	1	0	0	0	0	3	3	0	1	0	0	
6	Từ 01/6/2023 đến 30/6/2023	106	98	4	0	4	102	100	99	0.99	1	0.01	0	0	3	3	0	1	2	0	
7	Từ 01/7/2023 đến 31/7/2023	94	88	2	0	4	90	92	92	1	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	
8	Từ 01/8/2023 đến 31/8/2023	133	126	5	0	2	131	127	124	0.976	3	0.024	0	0	3	3	0	1	2	0	
9	Từ 01/9/2023 đến 30/9/2023	126	121	1	0	4	122	123	122	99.20%	1	0.80%	0	0%	2	2	0	1	0	0	
10	Từ 01/10/2023 đến 31/10/2023	116	111	2	0	3	113	112	111	99.10%	1	0.90%	0	0%	3	3	0	1	0	0	
11	Từ 01/11/2023 đến 30/11/2023	174	169	1	0	4	170	171	171	100%	0	0%	0	0%	2	2	0	1	0	0	
12	Từ 01/12/2023 đến 31/12/2023	137	133	1	0	3	134	133	131	98.5	2	1.5	0	0	3	3	0	1	0	0	
TỔNG CỘNG		1244	1094	107	0	43	1201	1192	1182	99.2 %	9	0.8 %	1	0.1 %	34	34	0	12	6	0	

Phụ lục 2

KẾT QUẢ SỐ HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI UBND XÃ HOÀNH SƠN

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

(Kèm theo Báo cáo số 140/BC-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Hoà Bình Sơn)

Niên độ	Số hồ sơ tiếp nhận	Số hóa hồ sơ TTHC khi tiếp nhận				Số hồ sơ đã giải quyết	Số hóa kết quả giải quyết TTHC			Ghi chú
		Chưa số hóa TPBS	Có số hóa TPBS	Số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ		Chưa số hóa kết quả	Có số hóa kết quả	Tỷ lệ số hóa kết quả	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5/2</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10=9/7</i>	
Từ 01/01/2023 đến 15/02/2023	85	1	84	84	98,82%	79	4	75	94,94%	
Từ 16/02/2023 đến 31/3/2023	79	4	75	71	89,87%	83	0	83	100%	
Từ 01/4/2023 đến 30/4/2023	92	1	91	71	77,17%	89	1	88	98,88%	
Từ 01/5/2023 đến 31/5/2023	83	0	83	79	95,18%	84	0	84	100%	
Từ 01/6/2023 đến 30/6/2023	102	0	102	102	100%	100	0	100	100%	
Từ 01/7/2023 đến 31/7/2023	90	2	88	85	94,44%	92	1	91	98,91%	
Từ 01/8/2023 đến 31/8/2023	131	1	130	128	97,71%	127	1	126	99,21%	
Từ 01/9/2023 đến 30/9/2023	122	1	121	120	98,36%	123	0	123	100%	
Từ 01/10/2023 đến 31/10/2023	113	0	113	112	99,12%	112	0	112	100%	
Từ 01/11/2023 đến 30/11/2023	170	0	170	167	98,0%	171	12	159	93,0%	
Từ 01/12/2023 đến 31/12/2023	134	0	134	134	100%	132	0	132	100%	
Tổng cộng:	1201	10	1191	1153	96,00%	1192	19	1173	98,40%	